

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN THỊ TRÂN**

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT**  
**THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**  
**CỦA CÁC DOANH NGHIỆP FDI**  
**TẠI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: KẾ TOÁN**

**Mã số: 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2013**

**Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học :**PGS.TS. NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG**

Phản biện 1: TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI

Phản biện 2: GS. TS. NGUYỄN QUANG QUYNH

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết

Thuế TNDN giữ một vai trò quan trọng và chiếm một tỷ trọng rất cao trong cơ cấu nguồn thu NSNN. Bên cạnh đó, cùng với việc mở rộng và đa dạng hoá các quan hệ hợp tác quốc tế, hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài đã trở thành một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và TP. Đà Nẵng nói riêng. Từ khi ban hành Luật Khuyến khích đầu tư nước ngoài đến nay, sự thông thoáng, những ưu đãi hấp dẫn của luật này và của hệ thống pháp luật về đầu tư nước ngoài được hình thành sau đó cũng như những ưu đãi về đầu tư trực tiếp nước ngoài, cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, các khu công nghiệp với chính sách ưu đãi, thị trường rộng lớn, nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng, ...của TP. Đà Nẵng đã nhanh chóng thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài đến với Đà Nẵng. Do vậy, số dự án đầu tư nước ngoài tại Đà Nẵng đã tăng đột biến lên đến 822 đơn vị, trong đó đầu tư trực tiếp hơn 201 DN.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn lỗ hổng cần được giải quyết như tình trạng DN có vốn đầu tư nước ngoài kê khai lỗ kéo dài trong thời gian qua là biểu hiện của hiện tượng chuyển giá. Một mình CQT không thể làm nổi mà phải có sự phối hợp giữa các bộ ngành. Tuy nhiên phải thừa nhận các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài cũng tạo ra một số kẽ hở để các DN lợi dụng nhằm né thuế. Xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết trên để kiểm soát tốt hơn nguồn thu Thuế TNDN trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài tại Đà Nẵng, tôi chọn đề tài: "*Tăng cường kiểm soát thuế TNDN của các doanh nghiệp FDI tại Cục Thuế thành phố Đà Nẵng*" làm đề tài cho luận văn của mình .

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu thực trạng kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng nhằm giải quyết những bất cập trong công tác thu thuế TNDN của các DN FDI ở Đà Nẵng, qua đó đề xuất giải pháp, kiến nghị và đề ra một số giải pháp chống chuyển giá với mục đích đảm bảo và ổn định phát triển kinh tế tại TP. Đà Nẵng.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là đánh giá thực trạng kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn được sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp, thu thập số liệu trực tiếp tại CQT TP. Đà Nẵng. Luận văn cũng sử dụng phương pháp suy diễn để đánh giá thực trạng kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI tại cục thuế TP. Đà Nẵng.

## **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận nội dung chính của luận văn gồm 3 chương. Chương 1: Cơ sở lý thuyết về kiểm soát thuế TNDN đối với các DN FDI. Chương 2: Thực trạng kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng. Chương 3: Một số giải pháp và kiến nghị nhằm tăng cường kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng.

## **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Qua những tài liệu tham khảo, và trên cơ sở lý luận kết hợp với thực tiễn tác giả đã hệ thống về việc kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI để tìm ra một số giải pháp nhằm phát hiện, ngăn chặn các hình thức chuyển giá đã và đang xảy ra đối với các DN FDI đang hoạt động tại Đà Nẵng.

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ KIỂM SOÁT

#### THUẾ THU NHẬP DN ĐỐI VỚI CÁC DN FDI

### 1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP FDI VÀ THUẾ TNDN DOANH NGHIỆP FDI

#### 1.1.1. Khái niệm DN FDI

*FDI*: (FDI = Foreign Direct Investment) là hình thức đầu tư dài hạn của cá nhân hay công ty nước này vào nước khác bằng cách thiết lập cơ sở sản xuất, kinh doanh. Cá nhân hay công ty nước ngoài đó sẽ nắm quyền quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh này.

#### 1.1.2. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp FDI

- Tìm kiếm lợi nhuận: FDI chủ yếu là đầu tư tư nhân với mục đích hàng đầu là tìm kiếm lợi nhuận các nước nhận đầu tư.

- Các chủ đầu tư nước ngoài phải đóng góp một tỷ lệ vốn tối thiểu trong vốn pháp định hoặc vốn điều lệ tùy theo quy định của luật pháp từng nước để dành quyền kiểm soát hoặc tham gia kiểm soát DN nhận đầu tư.

- Tỷ lệ đóng góp của các bên trong vốn điều lệ hoặc vốn pháp định sẽ quy định quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, đồng thời lợi nhuận và rủi ro cũng được phân chia dựa vào tỷ lệ này.

- Thu nhập mà chủ đầu tư thu được phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của DN mà họ bỏ vốn đầu tư, nó mang tính chất thu nhập kinh doanh.

- Chủ đầu tư tự quyết định đầu tư, quyết định sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi. Nhà đầu tư nước ngoài được quyền tự lựa chọn lĩnh vực đầu tư, quy mô đầu tư cũng như công nghệ cho mình, do đó tự đưa ra những quyết định có lợi nhất cho họ.

- FDI thường kèm theo chuyển giao công nghệ cho các nước tiếp nhận đầu tư. Thông qua hoạt động FDI, nước chủ nhà có thể tiếp cận được công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, học hỏi kinh nghiệm quản lý.

### **1.1.3. Thuế TNDN doanh nghiệp FDI**

*Thuế TNDN* là sắc thuế tính trên thu nhập chịu thuế của các DN trong kỳ tính thuế. Thuế TNDN có đặc điểm như sau: Thuế TNDN là thuế trực thu, đối tượng nộp thuế TNDN là các DN, các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đồng thời cũng là người chịu thuế; Thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các DN hoặc các nhà đầu tư. Thuế TNDN được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, nên chỉ khi các DN, các nhà đầu tư kinh doanh có lợi nhuận mới phải nộp thuế TNDN; Ngoài ra, các chính sách xã hội thường được lồng ghép vào quy định của luật thuế TNDN nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội hoặc tham gia giải quyết các vấn đề xã hội.

*Đối tượng nộp thuế của thuế TNDN* phải có hai điều kiện: thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp và phải có phát sinh thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đó.

*Xác định thu nhập tính thuế:*

- Thu nhập tính thuế trong kỳ được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước.

- Thu nhập chịu thuế bằng doanh thu trừ các khoản chi được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh cộng thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam.

*Về thuế suất:* Hiện nay mức thuế suất quy định chung 25%. Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác từ 32% đến 50% phù hợp từng dự án, từng CSKD.

## **1.2. KIỂM SOÁT THUẾ TNDN FDI**

### **1.2.1. Mục tiêu kiểm soát thuế TNDN FDI**

Kiểm soát thuế nói chung và kiểm soát thuế TNDN FDI nói riêng là một chức năng quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế. Đó là việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các luật thuế và các quy trình QLT do Tổng cục Thuế ban hành nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ và thu kịp thời tiền thuế vào NSNN; đồng thời qua đó đề cao ý thức tự giác chấp hành chính sách, pháp luật về thuế và tạo điều kiện thuận lợi cho các DN thực hiện tốt nghĩa vụ về thuế. Mục tiêu kiểm soát này là kiểm soát việc kê khai doanh thu chịu thuế, thu nhập tính thuế, kiểm soát việc áp dụng chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế, chuyển lỗ. Bên cạnh đó việc kiểm soát các khoản chi phí hợp lý, phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm, các hình thức gian lận thuế TNDN nhằm ổn định nền kinh tế trên các lĩnh vực: sản xuất, thương mại, tài chính – tiền tệ, đảm bảo một môi trường kinh doanh ổn định bình đẳng.

### **1.2.2. Quy trình kiểm soát thuế đối với DN có vốn FDI**

Hiện nay, ngành thuế áp dụng mô hình tổ chức bộ máy KST đối với tất cả các loại hình DN cũng như đối với DN có vốn FDI theo mô hình chức năng. Thực hiện KST theo chức năng là nhằm thực hiện cơ chế QLT theo hướng: CSKD tự tính thuế, tự kê khai và tự nộp thuế vào NSNN. Các chức năng KST cơ bản bao gồm: Kiểm soát khâu đăng ký, kê khai thuế TNDN; Kiểm tra, thanh tra, giám sát thuế TNDN; Kiểm soát DN nợ thuế và cưỡng chế thu nợ thuế; Kiểm soát xử lý vi phạm về thuế của DN FDI.

### **1.2.3. Nội dung kiểm soát thuế đối với DN có vốn FDI**

Với mô hình tổ chức bộ máy theo chức năng, công tác KST DN có vốn FDI thực hiện các nội dung như sau:

### ***a. Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai thuế TNDN***

❖ Kiểm soát đăng ký thuế và cấp MST: Kiểm soát ở khâu đăng ký thuế của các DN FDI dựa trên cơ sở khai đăng ký kinh doanh của các DN, CQT tiến hành cấp MST cho các DN. Mỗi doanh nghiệp được gán với một mã số duy nhất. Tất cả các thông tin về DN như: ngành nghề kinh doanh, tính chất và quy mô kinh doanh, địa chỉ, trụ sở, ... được lưu vào mạng máy tính kết nối trong toàn ngành.

❖ Kiểm soát kê khai thuế TNDN: Công tác kê khai và kế toán thuế được ngành thuế đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin cho công tác này như sử dụng tờ khai mã vạch hai chiều trong kê khai thuế hàng quý, kết nối thông tin nộp thuế với kho bạc, kê khai thuế điện tử, kết nối với cơ quan cấp giấy phép kinh doanh để quản lý số lượng NNT,... Ở nước ta việc tính thuế và kê khai thuế do các DN FDI tự thực hiện, có sự kiểm tra, thanh tra của CQT. Trên cơ sở các quy định cụ thể của Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, DN tự tính doanh thu, thu nhập chịu thuế, từ đó lập tờ khai. Tuy nhiên thuế TNDN là thuế trực thu, khi DN có lãi phải trích một phần để nộp thuế. Do vậy, để giảm thiểu số thuế phải nộp các DN FDI thường sử dụng hình thức chuyển giá từ khâu nhập nguyên, nhiên vật liệu đến việc tiêu thụ sản phẩm trong các giao dịch liên kết. Vì vậy, việc kiểm soát ở khâu giá chuyển nhượng và giá các yếu tố đầu vào là vấn đề quan trọng.

*Để thực hiện thanh tra chống chuyển giá CQT cần quan tâm các vấn đề sau:* Kiểm tra mối quan hệ liên kết; Kiểm tra giao dịch liên kết; Kiểm tra xác định các giao dịch độc lập; Tiến hành đối thoại trực tiếp với chủ DN

❖ Kiểm soát xử lý miễn, giảm thuế TNDN: Công tác kê khai thuế TNDN đối với các DN FDI thuộc đối tượng miễn, giảm thuế



theo Luật thuế là các DN sản xuất kinh doanh thuộc ngành nghề , địa bàn ưu đãi đầu tư như sản xuất hàng hóa trong nước chưa sản xuất được, đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, ... CQT thực hiện miễn, giảm thuế cho DN khi DN đã lập hồ sơ và gửi cho CQT. Quyết định miễn, giảm thuế phải có đầy đủ nội dung như thuế suất được giảm, thời hạn miễn, giảm thuế.

### ***b. Kiểm tra, thanh tra, giám sát thuế TNDN***

Công tác kiểm tra thuế được thực hiện dưới hai hình thức: kiểm tra tại trụ sở CQT và kiểm tra tại trụ sở của NNT. Công tác thanh tra thuế được thực hiện trong các trường hợp: DN có ngành nghề kinh doanh đa dạng, phạm vi kinh doanh rộng thì thanh tra định kỳ một năm không quá một lần; DN có dấu hiệu VPPL về thuế; giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan QLT.

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với DN FDI tập trung vào những vấn đề cơ bản sau: Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về đăng ký, kê khai nộp thuế; Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định của Luật thuế; Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

### ***c. Kiểm soát DN nợ thuế TNDN***

Căn cứ tờ khai thuế hàng quý, quyết toán thuế hàng năm do ĐTNT lập, quyết định xử lý về thuế, ... ĐTNT có trách nhiệm tự giác nộp tiền thuế vào Kho bạc. Hiện nay, dựa vào tiêu thức quản lý thu nợ do Tổng cục Thuế ban hành, căn cứ vào tình hình nợ đọng thuế của DN đến thời điểm lập kế hoạch CQT tiến hành lập kế hoạch quản lý thu nợ, lập sổ theo dõi tình hình nợ thuế theo từng ĐTNT, rà soát nợ tháng trước chuyển sang, nợ mới phát sinh trong tháng theo

nguyên nhân và tình trạng nợ để phân loại các khoản nợ nhằm áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

#### ***d. Kiểm soát xử lý vi phạm về thuế TNDN của DN FDI***

Nội dung công tác kiểm soát xử lý vi phạm về thuế TNDN của DN FDI nói chung và tất cả các loại hình DN như sau: Không thực hiện đúng những quy định về chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế theo quy định của Luật thuế TNDN; Nộp chậm tiền thuế, tiền phạt so với ngày quy định phải nộp hoặc quyết định xử lý về thuế; Khai man thuế, trốn thuế thì ngoài việc phải nộp đủ số thuế theo quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, CQT tiến hành xử lý vi phạm; Không nộp thuế, nộp phạt theo thông báo hoặc quyết định xử lý về thuế. Ngoài ra, CQT còn tiến hành xử lý vi phạm đối với trường hợp vi phạm về miễn thuế, giảm thuế TNDN.

### **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KIỂM SOÁT THUẾ TNDN FDI**

#### **1.3.1. Mức độ tuân thủ, ý thức của DN**

Hiện nay, Luật QLT đã có quy định về việc DN tự tính thuế, tự khai thuế và tự chịu trách nhiệm trong việc chấp hành. Tuy nhiên việc tuân thủ, ý thức của DN về kê khai thuế còn nhiều hạn chế như việc DN cố tình không kê khai hoặc kê khai doanh số bán ra thấp hơn thực tế làm giảm thu nhập chịu thuế dẫn đến giảm số thuế TNDN phải nộp.

Đặc biệt, đối với DN FDI thì do tính chất hoạt động của DN có vốn FDI tại Việt Nam chủ yếu đóng vai trò trung gian trong chuỗi sản xuất kinh doanh khép kín của Tập đoàn đa quốc gia. Từ đó, các DN thường thực hiện các hoạt động chuyển giá trong các giao dịch liên kết (thông qua góp vốn đầu tư; chuyển giao công nghệ; chuyển

giao nguyên vật liệu, hàng hoá; cung cấp dịch vụ; chi trả lãi vay vốn sản xuất kinh doanh ) nhằm tối thiểu hoá nghĩa vụ thuế tại Việt Nam.

### **1.3.2. Nhân tố thuộc về tổ chức thực hiện tại Cục thuế**

Hiện nay, Luật thuế TNDN còn phụ thuộc quá nhiều vào các văn bản dưới luật (thông tư, nghị định); Bộ máy QLT tại các Chi cục Thuế và Cục Thuế chưa hợp lý, còn nhiều chông chéo trong việc QLT đối với DN, nhiều phòng chức năng cùng tham gia thực hiện, một số phòng ban còn kiêm nhiệm nhiều công tác khác ảnh hưởng đến việc kiểm soát thuế TNDN; Hoàn thiện môi trường pháp lý là điều Việt Nam cần phải thực hiện khi tham gia vào hiệp ước quốc tế, môi trường pháp lý là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đến nguồn thu.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI là một yêu cầu cấp thiết của cơ quan quản lý Nhà nước nói chung và CQT nói riêng. Việc kiểm soát nguồn thu này phải tuân thủ chặt chẽ các quy trình QLT; trong đó quy trình đăng ký thuế, kê khai thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là một trong những nội dung quan trọng của quá trình kiểm soát nguồn thu này. Vì vậy, cần phải tuân thủ một cách chặt chẽ và làm tốt quy trình này. Từ đó cho thấy những ảnh hưởng của quy trình đến ý thức của DN cũng như tổ chức thực hiện tại Cục Thuế. Ngoài ra, vấn đề xác định giá chuyển nhượng trong kê khai thuế của DN FDI hiện nay là vấn đề bất cập cần phải quan tâm của cơ quan QLT.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DN CỦA CÁC DN FDI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **2.1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CÁC DN FDI TẠI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Tính đến nay, trên địa bàn TP. Đà Nẵng đã thu hút hơn 800 DN đầu tư nước ngoài, trong đó đầu tư trực tiếp nước ngoài 201 DN với tổng lượng vốn đăng ký 3,17 tỷ USD. Trong số đó, nhiều dự án lớn vừa góp phần thay đổi diện mạo thành phố vừa là minh chứng sống động, nâng tầm thương hiệu Đà Nẵng, tạo sự yên tâm cho nhiều nhà đầu tư mới. Kết quả thu hút vốn FDI tại TP. Đà Nẵng trong những năm gần đây cho ta thấy tình hình phát triển về số lượng cũng như về vốn của DN có vốn FDI trong những năm gần đây tăng lên đáng kể.

Hầu hết các DN có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trên địa bàn TP. Đà Nẵng đều là công ty con của các tập đoàn, công ty mẹ, ở nước ngoài. Các tập đoàn, công ty mẹ ký hợp đồng sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ với các công ty ở nước ngoài; sau đó giao lại các công ty con ở Việt Nam sản xuất, gia công, cung ứng dịch vụ cho các công ty ở nước ngoài theo hợp đồng các tập đoàn, công ty mẹ đã ký.

#### **2.2. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ TNDN CỦA CÁC DN FDI TẠI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

##### **2.2.1. Quy trình quản lý thuế TNDN của các DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng**

Quy trình quản lý thu thuế TNDN nhằm mục đích để nâng cao hiệu quả công tác QLT đối với các ĐTNT, nâng cao tính tự giác

trong việc chấp hành pháp luật thuế của ĐTNT thông qua việc tự tính, tự khai, tự nộp. Tổng cục Thuế đã ban hành các quy trình quản lý thu thuế dựa trên cơ sở DN tự đăng ký, kê khai và nộp thuế vào NSNN bao gồm các quy trình chính sau: Quy trình quản lý đăng ký thuế; Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế; Quy trình quản lý nợ thuế; Quy trình hoàn thuế; Quy trình miễn thuế, giảm thuế; Quy trình kiểm tra thuế; Quy trình thanh tra thuế; Quy trình cưỡng chế nợ thuế.

### **2.2.2. Kiểm soát thuế TNDN đối với các DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng**

Trong khuôn khổ của đề tài tác giả tập trung nghiên cứu nội dung kiểm soát thuế TNDN của DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng theo 4 nội dung cơ bản sau:

#### ***a. Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai thuế***

Kiểm soát kê khai thuế là khâu quan trọng trong quy trình quản lý thuế. Chính vì vậy, bộ phận kê khai - kế toán thuế tại Cục Thuế có trách nhiệm kiểm soát hoạt động mua vào – bán ra của DN, nhất là đối với các DN FDI thì hoạt động kiểm soát giá đối với những DN có quan hệ liên kết trong cùng Tập đoàn cũng như các đối tác bên ngoài là yếu tố quan trọng trong hoạt động chống chuyển giá. Kê khai thuế TNDN tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng được kiểm soát theo Sơ đồ 2.1.

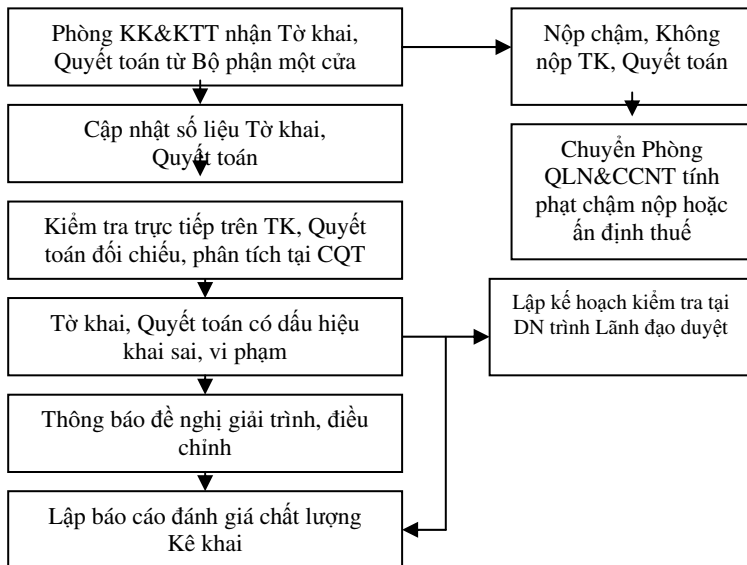
#### **❖ *Kiểm soát giá của các yếu tố đầu vào***

Nhìn chung, cách hạch toán các yếu tố đầu vào của DN FDI và DN trong nước có sự tương đồng. Dựa vào dữ liệu của NNT được lưu giữ trên mạng máy tính cán bộ thuế có trách nhiệm kiểm soát kê khai và xử lý các thông tin ban đầu cho đến việc kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ khai thuế và từng chi phí đầu vào của DN. Để kiểm

soát tốt các yếu tố đầu vào, công chức thuế phải rà soát, kiểm tra từng chi phí phát sinh, phân tích, đánh giá Báo cáo tài chính của từng DN FDI liên quan đến hai yếu tố bên trong nước và bên ngoài nước.

❖ *Kiểm soát giá chuyển nhượng:*

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010. Thông tư này cũng nêu rõ có 5 phương pháp để xác định giá chuyển nhượng trong các giao dịch liên kết là biện pháp quản lý thuế đối với DN FDI hiệu quả nhất hiện nay là: Phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập, phương pháp giá bán lại, phương pháp giá vốn cộng lãi, phương pháp so sánh lợi nhuận, phương pháp tách lợi nhuận. Các phương pháp của Thông tư đưa ra là phù hợp với các thông lệ quốc tế. CQT không áp đặt mà đưa ra các nguyên tắc để DN xác định giá. DN có nghĩa vụ lập và lưu giữ hồ sơ gồm 3 loại thông tin, tài liệu và chứng từ có liên quan đến giao dịch liên kết sau: Thông tin chung về DN và các bên liên kết; Thông tin về giao dịch của DN; Thông tin về phương pháp xác định giá thị trường.



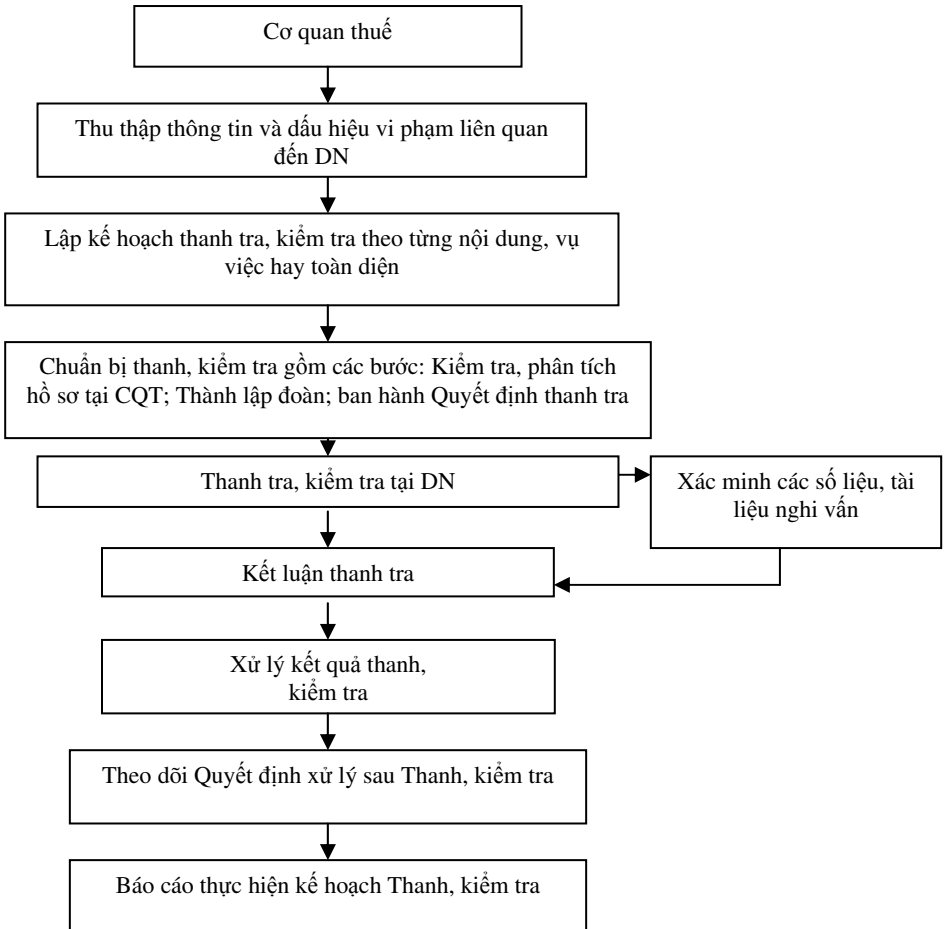
**Sơ đồ 2.1. Quy trình kiểm soát ở khâu Kê khai thuế**

Kiểm soát giá chuyển nhượng của các DN FDI liên quan đến yếu tố nước ngoài cán bộ thuế cần kiểm soát ở hai khâu cơ bản là Chi phí liên quan đến giao dịch liên kết như đã trình bày ở trên và Doanh thu liên quan đến giao dịch liên kết. Để kiểm soát Doanh thu ở khâu kê khai, Cán bộ kê khai dựa vào hồ sơ kê khai, Báo cáo tài chính của từng DN cụ thể sau đó so sánh, phân tích. Giao dịch độc lập (với điều kiện giao dịch độc lập này không được tạo ra hoặc sắp đặt lại từ giao dịch liên kết) được chọn để so sánh phân tích phải loại trừ 4 tiêu thức ảnh hưởng sau: Đặc tính sản phẩm, chức năng hoạt động của DN, điều kiện hợp đồng khi thực hiện giao dịch, điều kiện kinh tế khi diễn ra giao dịch. Công tác phân tích hồ sơ khai thuế, Báo cáo tài chính cần phân tích các chỉ tiêu như: Tỷ suất tăng giá bình quân, tỷ lệ lãi suất, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế, ... Từ đó xác định mức giá sản phẩm, tỷ suất lợi nhuận gộp hoặc tỷ suất sinh lời phù hợp của giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ kê khai nộp thuế TNDN.

### ***b. Thanh tra, kiểm tra, giám sát thuế TNDN***

Quy trình thanh tra, kiểm tra tại DN tại Cục thuế TP. Đà Nẵng được thể hiện qua **Sơ đồ 2.2**. Qua kết quả thanh tra tại Cục Thuế, hầu hết các DN có vốn FDI hoạt động trên địa bàn TP Đà Nẵng đều là công ty con của các tập đoàn, có công ty mẹ ở nước ngoài và đã phát hiện những hoạt động chuyển giá chủ yếu sau: Chuyển giá thông qua chuyển giao nguyên vật liệu, hàng hóa; Chuyển giá thông qua góp vốn đầu tư; Chuyển giá thông qua cung cấp dịch vụ; Chi phí tiền lương đối với các giám đốc và chuyên gia nước ngoài được các DN trả lương rất cao, là một trong những yếu tố quan trọng làm cho DN lỗ nhưng chưa có quy định nào ràng buộc, khống chế yếu tố chi phí này.

Hiện nay, trên địa bàn TP. Đà Nẵng quy mô của các DN FDI nhỏ hơn các địa phương khác như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, ... Cục Thuế cũng chưa triển khai mạnh công tác thanh tra chống chuyển giá nên số lượng DN phát hiện chuyển giá chưa nhiều, quy mô chưa lớn. Trong thời gian qua thanh tra chống chuyển giá được Cục Thuế thực hiện đã phát hiện một số trường hợp như: Công ty TNHH LesGants Việt Nam; Công ty TNHH ITG Phong Phú; Công ty TNHH Kad Industrial SA Việt Nam; Công ty TNHH DaiWa Việt Nam.

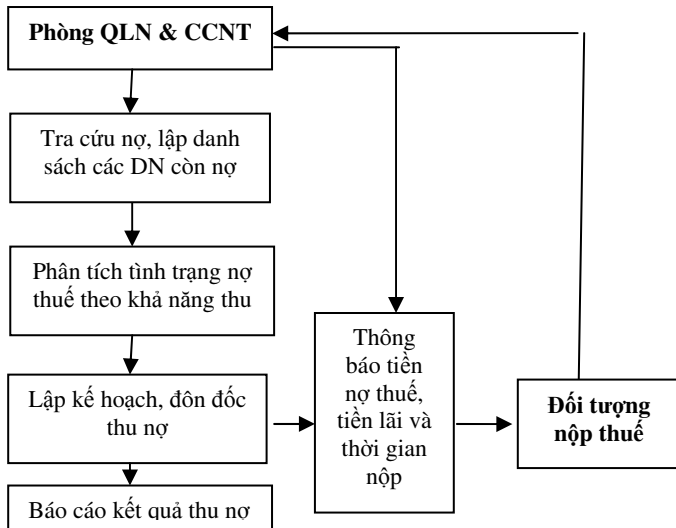


**Sơ đồ 2.2. Quy trình thanh tra, kiểm tra**



### c. Kiểm soát nợ thuế TNDN

Từ năm 2007, Cục Thuế thành lập bộ máy quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo Luật quản lý thuế. Số nợ thuế của từng NNT được kiểm soát, xác định, phân loại, theo dõi chặt chẽ, nguyên nhân của từng khoản nợ thuế được xác định cụ thể làm cơ sở áp dụng các biện pháp thu nợ phù hợp và hiệu quả hơn. Quy trình kiểm soát thu nợ tại Cục Thuế Đà Nẵng được thể hiện theo Sơ đồ 2.3



Sơ đồ 2.3. Quy trình kiểm soát nợ thuế TNDN

### d. Kiểm soát xử lý vi phạm về thuế TNDN

Công tác xử lý vi phạm về thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng của các DN FDI tại Cục thuế TP. Đà Nẵng trong thời gian qua chỉ dừng lại ở phạm vi xử phạt, truy thu thuế và giảm thời gian ưu đãi. Qua thanh tra, kiểm tra tại các DN FDI trên địa bàn số DN vi phạm không nhiều. Cụ thể gồm các hành vi sau: Về tình hình chấp hành chế độ kế toán, chứng từ hoá đơn; Về tình hình kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế TNDN; Vi phạm các quy định về kê

khai thông tin giao dịch liên kết.

### **2.2.3. Nhận xét về kiểm soát thuế TNDN đối với các DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng**

#### ***a. Ưu điểm***

Qua hơn 13 năm thực hiện Luật thuế TNDN, công tác quản lý thuế TNDN tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng đã đạt được những thành tựu như: Cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp đã nâng cao được ý thức trách nhiệm và tính tự giác của DN; Cơ cấu tổ chức bộ máy được thực hiện theo mô hình chức năng ngăn ngừa tình trạng thông đồng giữa cán bộ thuế và DN; Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban có mối liên hệ tạo ra cơ chế tự kiểm tra, và kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các phòng nhằm nâng cao tính chính xác và hiệu quả của quy trình; Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã giúp cho bộ phận kê khai, thanh tra, kiểm tra phân tích, khai thác và xử lý tốt các thông tin về DN, giảm thời gian thanh tra, kiểm tra góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát nguồn thu thuế TNDN từ các DN FDI.

#### ***b. Hạn chế***

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, việc thực hiện quy trình kiểm soát nguồn thu thuế TNDN từ DN FDI trên địa bàn TP. Đà Nẵng bộc lộ những hạn chế như: Nhiệm vụ của các phòng ban không thống nhất theo quy trình kiểm soát; Tổ chức bộ máy KST theo mô hình chức năng chưa hoàn toàn phù hợp; Quy trình chưa quy định việc phối hợp giữa các CQT, nhất là CQT của các DN có giao dịch liên kết gây khó khăn trong việc xác định doanh thu, chi phí để kiểm soát thuế TNDN; Công tác kiểm soát việc phân loại nợ, tính tiền phạt nộp chậm với từng khoản nợ thuế chỉ mới dựa vào thời gian chưa tính đến mức độ, tỷ lệ số nợ trên số thuế phát sinh, số nộp trong kỳ của đơn vị; Quy trình QLT của các DN đều giống nhau tuy nhiên mức độ rủi ro của các DN có quy mô khác nhau, cách thức hoạt động

khác nhau thì không giống nhau; Việc ứng dụng CNTT trong quy trình QLT tại Cục Thuế Đà Nẵng chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác thông tin phục vụ trong công tác KST; Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Luật thuế TNDN tuy đã có những quy định buộc các DN khi thực hiện các quan hệ giao dịch liên kết, tuy nhiên trong thực tế triển khai chính sách thuế áp dụng đối với DN FDI tại Đà Nẵng, nhất là vấn đề chuyển giá; Chưa có quy định về cơ chế thoả thuận trước; Thời hạn cho 1 cuộc thanh tra giá chuyển nhượng tại Việt Nam rất ngắn, bị giới hạn bởi quy định tại Luật Thanh tra; Cũng như quyền hạn của CQT còn bị giới hạn.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Thực trạng của việc kiểm soát thuế TNDN đối với DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng qua đánh giá hoạt động thực tế; đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, công tác kiểm soát thuế TNDN đối với DN FDI dựa theo quy trình QLT như hiện nay tại Cục Thuế chưa thật sự đạt hiệu quả như yêu cầu; Các quy trình kiểm soát còn bộc lộ những hạn chế như quy trình kê khai kế toán thuế, quy trình thanh tra, quy trình nợ, ...Mặt khác, các quy định về xử phạt các hành vi vi phạm về thuế chưa thật sự phù hợp với thực tế và thật sự nghiêm minh.

Mặt khác, vấn đề xác định giá các yếu tố đầu vào của các DN FDI là vấn đề khó xác định mà quan trọng nhất trong công tác kiểm soát nguồn thu thuế TNDN là việc xác định giá chuyển nhượng trong các giao dịch liên kết đối với các DN này. Việc áp dụng các phương pháp xác định giá chuyển nhượng chưa được áp dụng phổ biến, cũng như chưa có quy định nào hữu hiệu trong việc phối hợp CQT giữa các nước trong giao dịch liên kết.

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DN CỦA CÁC DN FDI TẠI ĐÀ NẴNG**

### **3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ TNDN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP FDI TẠI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **3.1.1. Do yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới**

Trong giai đoạn hiện nay, với sự gia tăng về số lượng và chất lượng của DN FDI trong khi trình độ quản lý hiện nay của ngành thuế chưa đáp ứng kịp có khoản cách khá xa so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Vì vậy, đòi hỏi hệ thống thuế phải được cải cách mạnh mẽ để phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt nam. Hiện nay, thuế TNDN giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu thu ngân sách. Do vậy, kiểm soát nguồn thu thuế TNDN, mà đặc biệt là kiểm soát nguồn thu thuế TNDN từ các DN FDI là một vấn đề quan trọng nhất là vấn đề kiểm soát chuyển giá nhằm chống thất thu NSNN.

#### **3.1.2. Sự cần thiết phải tăng cường kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI tại Cục thuế TP. Đà Nẵng**

##### ***a. Đối với môi trường quản lý thuế***

Với sự gia tăng về số lượng cũng như chất lượng của DN FDI hiện nay đòi hỏi môi trường quản lý phải đáp ứng những yêu cầu sau: Hiện đại hoá toàn diện công tác QLT cả về phương pháp, thủ tục hành chính; Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ cung cấp dịch vụ cho NNT; nâng cao năng lực hoạt động công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật của NNT; Nội dung thuế TNDN còn phức tạp, cơ chế QLT chưa được qui định rõ ràng trong các văn bản qui phạm pháp luật; thủ tục hành chính thuế còn rườm

rà, gây khó khăn cho DN; Trình độ hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật thuế của DN, công chức vẫn còn nhiều hạn chế; Quyền và các nghĩa vụ của chủ thể tham gia QLT chưa được qui định đầy đủ, rõ ràng; Chính sách thuế TNDN thường xuyên thay đổi, nhiều nội dung đã không còn phù hợp với thực tế hiện nay.

***b. Đối với cơ quan thuế***

- Về bộ máy tổ chức QLT hiện nay chưa hợp lý .
- Về năng lực trình độ kiểm soát thuế TNDN đối với các DN của cán bộ thuế không đồng đều; phần lớn cán bộ thuế đều thiếu kiến thức ở các lĩnh vực khác có liên quan đến thuế như chế độ kế toán, luật thương mại, luật DN,... đặc thù kinh doanh ở các ngành, các lĩnh vực của DN nên hiệu quả công tác QLT không cao.

- Việc ứng dụng tin học phục vụ QLT còn thấp, mới tập trung chủ yếu vào công việc quản lý về đăng ký thuế, cấp MST.

***c. Đối với nội dung quản lý thuế***

Bao gồm các nội dung như: Các nội dung, hình thức tuyên truyền, chưa phong phú, công tác hỗ trợ chưa chuyên sâu và chưa phù hợp với nhu cầu của từng loại hình DN; Công tác phân tích và xử lý tờ khai thuế TNDN còn nhiều hạn chế; Hệ thống thông tin QLT vẫn chưa đáp ứng đủ các yêu cầu để kiểm soát được tất cả các ĐTNT; Chưa có một quy trình chuyên sâu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra tại các DN cho từng sắc thuế như thuế TNDN, Thuế GTGT...; Hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra DN chưa cao, chủ yếu tập trung vào kiểm tra quyết toán thuế; các hình thức thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề còn hạn chế; kế hoạch kiểm tra chưa phù hợp; công tác chuẩn bị trước thanh, kiểm tra tại DN chưa được xem trọng.

#### ***d. Đối với DN nộp thuế***

- Nhận thức về Luật Thuế TNDN của DN chưa đúng mức dẫn đến việc chấp hành trong việc thực nghĩa vụ thuế của DN chưa cao.

- Hiện nay, một bộ phận không nhỏ các DN FDI luôn tìm cách trốn thuế, gian lận về thuế TNDN; đặc biệt là gian lận trong việc khai tăng chi phí đầu vào, giảm doanh thu hoặc bỏ doanh thu ngoài sổ sách nhằm chiếm đoạt tiền thuế của NSNN.

#### ***e. Đối với cơ quan chức năng liên quan***

Trách nhiệm của các cơ quan chức năng liên quan trong việc thực thi pháp luật cũng chưa được quy định đầy đủ và rõ ràng. Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa có quan tâm đúng mức và chưa thực sự coi công tác thuế là nhiệm vụ trọng tâm địa phương mình.

### **3.2. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT CHUYÊN GIÁ**

Trên cơ sở nhận định về những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động chống chuyển giá thời gian qua, để nâng cao hiệu quả chống chuyển giá, cần thực hiện một số giải pháp kiểm soát chuyên giá như sau: Đề nghị xây dựng và ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về chuyển giá, bổ sung các quy định chống chuyển giá vào Luật Quản lý thuế; Đề nghị sửa đổi Thông tư 66/2010/TT-BTC trên tinh thần dễ hiểu, dễ thực hiện; Đề nghị bổ sung vào Luật Quản lý thuế về quyền hạn của cơ quan quản lý thuế được quyền áp dụng biện pháp tạm dừng hoàn thuế GTGT đối với các DN khai báo kết quả kinh doanh lỗ quá vốn chủ sở hữu; Đề nghị hoàn thiện hệ thống dữ liệu thông tin đầy đủ về NNT; Kiến nghị với Chính phủ thu hẹp các đối tượng ưu đãi thuế; Đề nghị tăng biên chế bổ sung để thành lập bộ phận chuyên trách chống chuyển giá; Đề nghị Tổng cục Thuế thường xuyên tổ chức một số cuộc thanh tra toàn diện chống chuyển

giá đối với một số DN lớn; Xây dựng các biện pháp chế tài đủ mạnh, nhằm buộc các DN phải kê khai chính xác về giá đối với các hoạt động giao dịch liên kết; Kiến nghị với Chính phủ có văn bản chỉ đạo quy định nhiệm vụ cụ thể cho các ngành có liên quan; Về lâu dài, cần xây dựng Luật Chống chuyển giá, đồng thời sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật có liên; Giao trách nhiệm cho cơ quan kiểm toán trong vấn đề kê khai giao dịch liên kết của các DN FDI; Áp dụng phương pháp so sánh với sản phẩm cùng loại.

### **3.3. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ TNDN CỦA CÁC DN FDI TẠI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

#### **3.3.1. Hiện đại hóa công tác tuyên truyền và hỗ trợ ĐTNT**

Nhằm mục đích giúp ĐTNT dễ dàng tiếp cận thông tin về chính sách thuế đồng thời tiếp nhận những vướng mắc phản hồi lại từ ĐTNT.

#### **3.3.2. Nâng cao chất lượng cán bộ thuế**

Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho ngành Thuế nhằm tập trung giải quyết các vấn đề sau: Vấn đề tuyển dụng; Vấn đề sử dụng nguồn nhân lực có hiệu quả; Vấn đề đào tạo và đào tạo lại. Ngoài ra, thực hiện chế độ đãi ngộ đối với cá nhân có khả năng, trình độ cao và tâm huyết với nghề nghiệp là điều cần thiết.

#### **3.3.3. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra thuế TNND của DN FDI**

Để công tác kiểm tra, thanh tra đạt hiệu quả thì phải xác định rõ được mục tiêu, đối tượng, nội dung của một cuộc kiểm tra, thanh tra thuế. Đối với thanh tra chống chuyển giá phải có thời gian dài hơn để có đủ thời gian thu thập thông tin, chứng cứ; bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý về QLT đối với hoạt động chuyển giá theo

hướng từng bước nâng cao tính pháp lý của các văn bản quy định về giá chuyên nhượng.

### **3.3.4. Xây dựng, nâng cao hệ thống thông tin vào công tác quản lý thuế**

Để việc kiểm soát thuế TNDN đạt hiệu quả cao thì hệ thống thông tin trong công tác QLT đóng vai trò quan trọng giúp cán bộ thuế cập nhật thông tin đáp ứng nhu cầu phân tích, xử lý thông tin nhanh và chính xác hơn thông qua các quy trình QLT. Cục Thuế TP. Hà Nội nên triển khai các ứng dụng như: Xây dựng hệ thống ứng dụng nội bộ kết nối dữ liệu giữa các CQT với nhau; Xây dựng ứng dụng CNTT để trao đổi giữa CQT với các ban ngành liên quan.

## **3.4. KIẾN NGHỊ**

### **3.4.1. Đối với Chính phủ và Bộ Tài Chính**

Cần sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các biện pháp xử lý vi phạm về thuế trong Luật Quản lý thuế; Vấn đề pháp lý liên quan đến thông tin về NNT cần phải tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, bổ sung và hoàn thiện để ngành thuế có được cơ sở dữ liệu, thông tin đầy đủ, chính xác về NNT; Luật QLT cần được bổ sung theo hướng tạo khung pháp lý mạnh hơn để quản lý thuế đối với hoạt động chuyển giá; Ngoài ra, cần xây dựng một luật riêng về chống chuyển giá; Kiến nghị với Chính phủ nên hạn chế các chính sách xã hội trong ưu đãi thuế; Đối với Luật thuế TNDN cần sửa đổi, bổ sung một số điều phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm phòng chống hiệu quả việc chuyển giá của các tập đoàn kinh tế nước ngoài.

### **3.4.2. Đối với Tổng cục Thuế**

Cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, hợp lý hoá bộ máy quản lý; Đề nghị điều chỉnh, sửa đổi chức năng một số phòng tránh trường hợp chồng chéo và kiêm nhiệm chức năng trong công



tác QLT; Hoàn thiện các chương trình ứng dụng quản lý thuế sao cho phù hợp với nội dung quy định trong Luật QLT; Đề nghị Tổng cục Thuế tiếp tục nâng cấp hệ thống mạng để đảm bảo đường truyền không bị gián đoạn như giai đoạn vừa qua.

### **3.4.3. Đối với các cơ quan chức năng trên địa bàn TP. Đà Nẵng về việc phối hợp kiểm soát nguồn thu thuế TNDN**

Để nâng cao hiệu quả quản lý thuế TNDN đối với các DN nói chung và DN FDI nói riêng trên địa bàn TP. Đà Nẵng cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành chức năng như Hải quan, Kho bạc, Ngân hàng, Công an và các sở ban ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố. Các cơ quan này có vai trò quan trọng trong việc phát hiện hành vi trốn thuế, gian lận thuế, nhất là đối với hành vi chuyển giá của các DN FDI.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Thuế TNDN thu từ các DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng là một nguồn thu quan trọng của TP.. Do đó, để kiểm soát có hiệu quả nguồn thu này tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng cần phải được nghiên cứu hoàn thiện trên cơ sở đề xuất các giải pháp và một số kiến nghị, trong đó giải pháp về chống chuyển giá là quan trọng nhất vì đó là vấn đề hết sức phức tạp. Và để làm được điều này đòi hỏi công tác quản lý phải có nhiều kinh nghiệm để đưa ra phương pháp quản lý cho phù hợp. Hiện nay, Việt Nam đang trên đà phát triển kinh tế và hội nhập nên kinh nghiệm quản lý kinh tế còn nhiều hạn chế, hành lang pháp lý còn nhiều kẽ hở; do đó học hỏi kinh nghiệm quản lý kinh tế và tiếp cận những kinh nghiệm quản lý hiện đại từ các quốc gia là vấn đề hết sức cần thiết.

## KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, nguồn vốn FDI đổ vào Việt Nam đóng vai trò rất lớn đối với việc thúc đẩy nền kinh tế và xã hội phát triển. Qua đó, Việt Nam trong đó có TP. Đà Nẵng đã đón nhận được các công nghệ mới, học hỏi được trình độ quản lý kinh tế tiên tiến, ... Trên cơ sở những lý luận và thực tiễn, luận văn đã phân tích quá trình triển khai việc kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng. Từ đó, chỉ ra những nguyên nhân và đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả trong công tác QLT nói chung và hoạt động kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI nói riêng, góp phần tăng cường kiểm soát nguồn thu thuế TNDN, kiểm soát hoạt động chuyển giá, chuyển lợi nhuận của loại hình DN này nhằm kích thích tăng trưởng, phát triển hoạt động kinh doanh của DN, chống thất thu cho NSNN trên địa bàn TP. Đà Nẵng. Đồng thời qua đó tạo được một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa các loại hình DN.

Tuy nhiên, chuyển giá là vấn đề phức tạp, hoạt động tài chính tinh vi mà các giao dịch liên kết thường áp dụng nhằm tránh nghĩa vụ về thuế. Để việc kiểm soát chuyển giá mang lại hiệu quả đòi hỏi CQT cần phải chuẩn bị cả về nhân lực và vật lực, phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, và hơn nữa là CQT giữa các nước.

Kiểm soát thuế TNDN của các DN FDI là vấn đề phức tạp có liên quan đến yếu tố nước ngoài và vấn đề hợp tác của CQT các nước, việc đánh giá, phân tích cũng như những giải pháp, kiến nghị không trách khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tác giả rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của thầy cô và bạn bè, đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.